

## NOTICE OF VOTING ORDER PRIORITY

Pursuant to Section 63.0013, Election Code:

An election officer may give **voting order priority** to individuals with a **mobility problem** that substantially impairs the person's ability to move around.

- A person assisting an individual with a mobility problem may also, at the individual's request, be given voting order priority.
- Disabilities and conditions that may qualify you for voting order priority include paralysis, lung disease, the use of portable oxygen, cardiac deficiency, severe limitation in the ability to walk due to arthritic, neurological, or orthopedic condition, wheelchair confinement, arthritis, foot disorder, the inability to walk 200 feet without stopping to rest, or use of a brace, cane, crutch, or other assistive device.
- Voters who wish to be given voting order priority, and be accepted for voting before others in line to vote at that polling place may indicate this to any election officer serving at the polling place. The presiding election judge will determine whether the voter and the voter's assistant, if applicable, will be brought forward to the front of the line.

## AVISO de PRIORIDAD de ORDEN de VOTACIÓN

De conformidad con la Sección 63.0013, Código Electoral:

Un oficial de elecciones puede dar **prioridad de orden de votación** a individuos con un **problema de movilidad** que dificulta sustancialmente la capacidad de la persona para moverse.

- Una persona que asiste a un individuo con un problema de movilidad también puede, a petición del individuo, ser dado prioridad en el orden de votación.
- Discapacidades y condiciones que pueden calificarle para prioridad de orden de votación incluyen parálisis, enfermedad pulmonary, el uso de oxígeno portátil, deficiencia cardíaca, limitación severa en la habilidad para caminar debido a condiciones artríticas, neurológicas u ortopédicas, confinamiento de silla de ruedas, artritis, trastorno de pie, la incapacidad para caminar 200 pies sin parar para descansar, o el uso de una abrazadera, bastón, muleta u otro dispositivo de ayuda.
- Votantes que desean recibir prioridad de orden de votación, y ser aceptados para votar antes que otros en la fila para votar en el lugar de votación, pueden indicar esto a cualquier funcionario de elecciones que prestan servicios en el lugar de votación. El juez presidente de elecciones determinará si el votante y el asistente del votante, si es aplicable, serán adelantado al frente de la línea.

## THÔNG BÁO VỀ VIỆC ƯU TIÊN ĐẦU PHIẾU

Căn cứ vào Mục 63.0013, Bộ Luật Bầu Cử:

Một viên chức bầu cử có thể đưa ra **việc ưu tiên đầu phiếu** cho những cá nhân có **vấn đề về di động** làm suy yếu đáng kể khả năng di chuyển xung quanh của người đó.

- Người đang trợ giúp cho cá nhân có vấn đề về khả năng cử động cũng có thể được ưu tiên đầu phiếu trước, theo sự yêu cầu của cá nhân đó.
- Các khuyết tật và các tình trạng sau đây có thể giúp quý vị hội đủ điều kiện cho việc ưu tiên đầu phiếu: tê liệt, bệnh phổi, sử dụng bình oxy di động, suy tim, giới hạn nghiêm trọng về khả năng đi lại do tình trạng đau khớp xương, thần kinh, hoặc tình trạng chỉnh hình, xe lăn, viêm khớp, rối loạn chân, không có khả năng đi lại trong vòng 200 feet mà không dừng lại để nghỉ ngơi, hoặc dùng nẹp, gậy, nạng, hay các thiết bị trợ giúp khác.
- Các cử tri muốn được ưu tiên đầu phiếu, và được chấp thuận cho đầu phiếu trước những người khác đang xếp hàng đi bầu tại nơi bỏ phiếu đó, có thể trình bày điều này cho bất kỳ nhân viên bầu cử nào đang làm việc tại địa điểm bầu cử. Trưởng ban điều hành bầu cử sẽ quyết định xem cử tri và người trợ giúp cử tri, nếu có thể, sẽ được đưa lên hàng đầu.

## 殘障選民投票優先權公告

根據選舉法63.0013節:

選務官可允許**行動不便**的選民擁有**投票優先權**。

- 行動不便選民所要求之協助者也可擁有投票優先權。
- 選民因癱瘓，肺部疾病，須使用攜帶式氧氣，心肺功能不足，或因關節炎，神經系統或骨科症狀，輪椅限制，關節炎，足部障礙，在不休息的狀態下無法持續行走200英尺，或使用支架，手拐杖，拐杖或其他輔助器具而不良於行，皆可擁有投票優先權的資格。
- 欲在投票所擁有被核准之投票優先權的選民可告知投票所的任何選務人員。選務官將決定該選民及其協助者是否符合資格且允許其排隊優先順位。